



BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ T7/2025

NGUỒN: FINKA RESEARCH

NỘI DUNG

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025	03
Hoạt động thương mại và sản xuất công nghiệp	04
Lạm phát, tiêu dùng và chính sách tiền tệ	06
Sức mạnh đồng USD và tác động tới Việt Nam	07
Triển vọng và định hướng chính sách	09

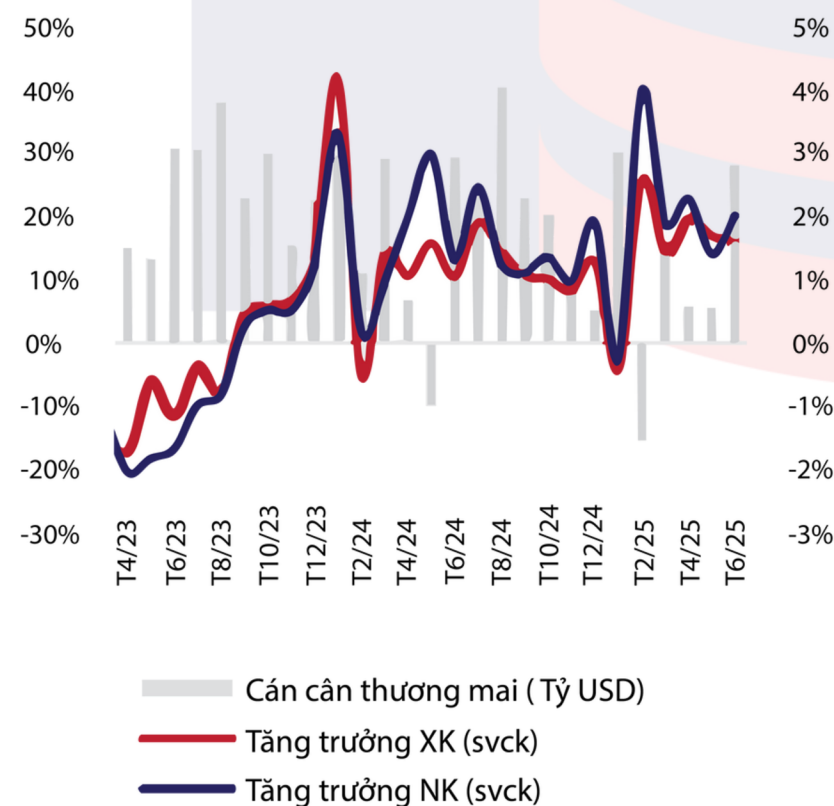
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7.52% – mức cao nhất trong gần hai thập kỷ. Kết quả này đạt được nhờ sự kết hợp giữa phục hồi sản xuất công nghiệp, mở rộng đầu tư công, gia tăng tiêu dùng nội địa và dòng vốn FDI ổn định. Riêng quý II, GDP tăng 7.96% svck, vượt kỳ vọng, và chỉ thấp hơn mức đỉnh 8.6% của quý II/2022. Khu vực công nghiệp và xây dựng đóng vai trò trụ cột khi tăng 9%, trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 10.8% nhờ đơn hàng từ Mỹ và EU trước thời điểm áp thuế mới. Khu vực dịch vụ cũng phục hồi mạnh với tăng trưởng 8.5%, đóng góp hơn một nửa vào GDP, nhờ sự phục hồi du lịch quốc tế, dịch vụ lưu trú, ăn uống và giáo dục. Ngành nông, lâm, ngư tăng 3.9%, phản ánh xu hướng ổn định nhưng đóng góp nhỏ hơn vào tổng GDP.
- Động lực tăng trưởng còn đến từ đầu tư công với mức giải ngân 291.1 nghìn tỷ đồng (+19.8%), tương đương 31.7% kế hoạch năm, tập trung vào hạ tầng trọng điểm như đường cao tốc Bắc – Nam và các dự án giao thông đô thị. Dòng vốn FDI giải ngân đạt 11.7 tỷ USD (+8.1%), cao nhất trong 5 năm, với hơn 81% đổ vào công nghiệp chế biến chế tạo, cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn nhờ lợi thế chi phí, vị trí địa lý và các hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh đó, tiêu dùng nội địa duy trì đà phục hồi nhờ môi trường lãi suất thấp, tổng mức bán lẻ và dịch vụ tăng 9.3%, dù vẫn dưới mức mục tiêu 12% của Chính phủ. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này đặt nền tảng để Việt Nam đạt mục tiêu GDP cả năm ở mức 7.9–8.1%, đặc biệt khi các chính sách tài khóa nới lỏng, như giảm VAT 2% đến cuối 2026, cùng môi trường lãi suất ưu đãi tiếp tục hỗ trợ cầu nội địa và sản xuất.

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

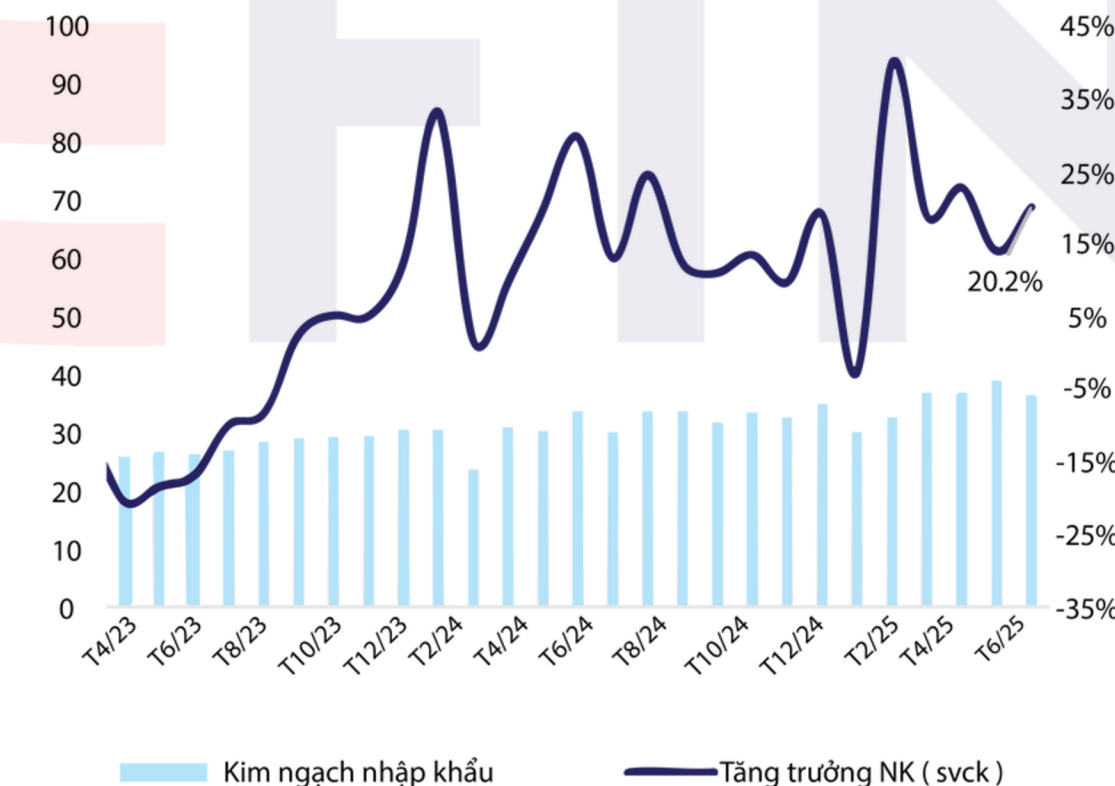
Thương mại quốc tế giữ vai trò then chốt trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đạt 219.8 tỷ USD (+14.4%), trong đó thị trường Mỹ chiếm tới 35% và tăng trưởng 28.2% nhờ giai đoạn tích trữ trước thuế. Các ngành hàng xuất khẩu chủ lực gồm điện tử, máy tính và linh kiện (+40%), đồ chơi và dụng cụ thể thao (+103%), dệt may và gỗ. Xuất khẩu sang EU tăng 10%, đạt 27.3 tỷ USD, trong khi sang Trung Quốc tăng 4.2% đạt 29.1 tỷ USD. Ngược lại, nhập khẩu tăng 17.9% đạt 212.2 tỷ USD, chủ yếu từ Trung Quốc (84.7 tỷ USD, +26.4%), phản ánh nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Mỹ cũng nổi lên là thị trường cung ứng quan trọng với kim ngạch nhập khẩu tăng 22.3% lên 8.9 tỷ USD, nhờ thuế suất giảm gần 0% từ thỏa thuận mới.

Tăng trưởng xuất khẩu và thặng dư thương mại hàng tháng



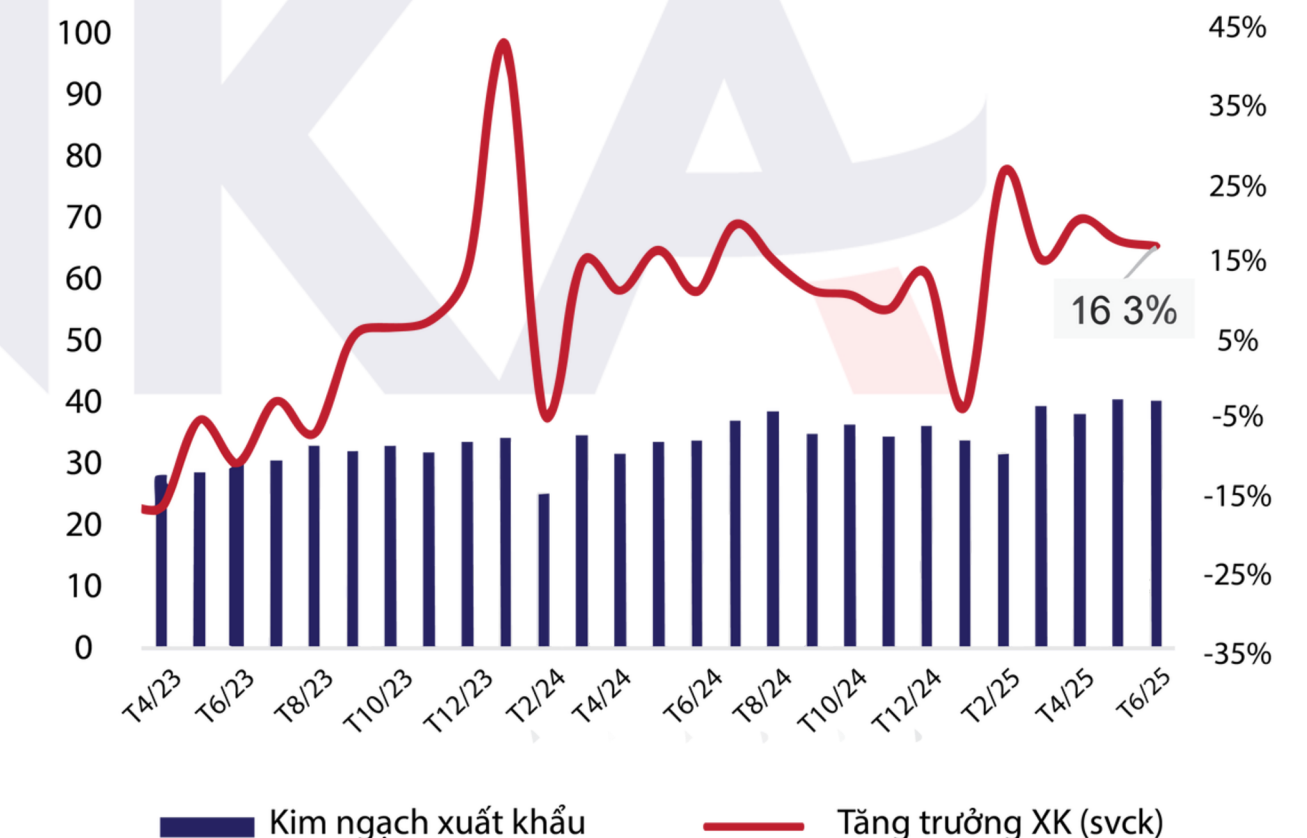
Nguồn: Finka Reasearch

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá năm qua các tháng



Nguồn: Finka Reasearch

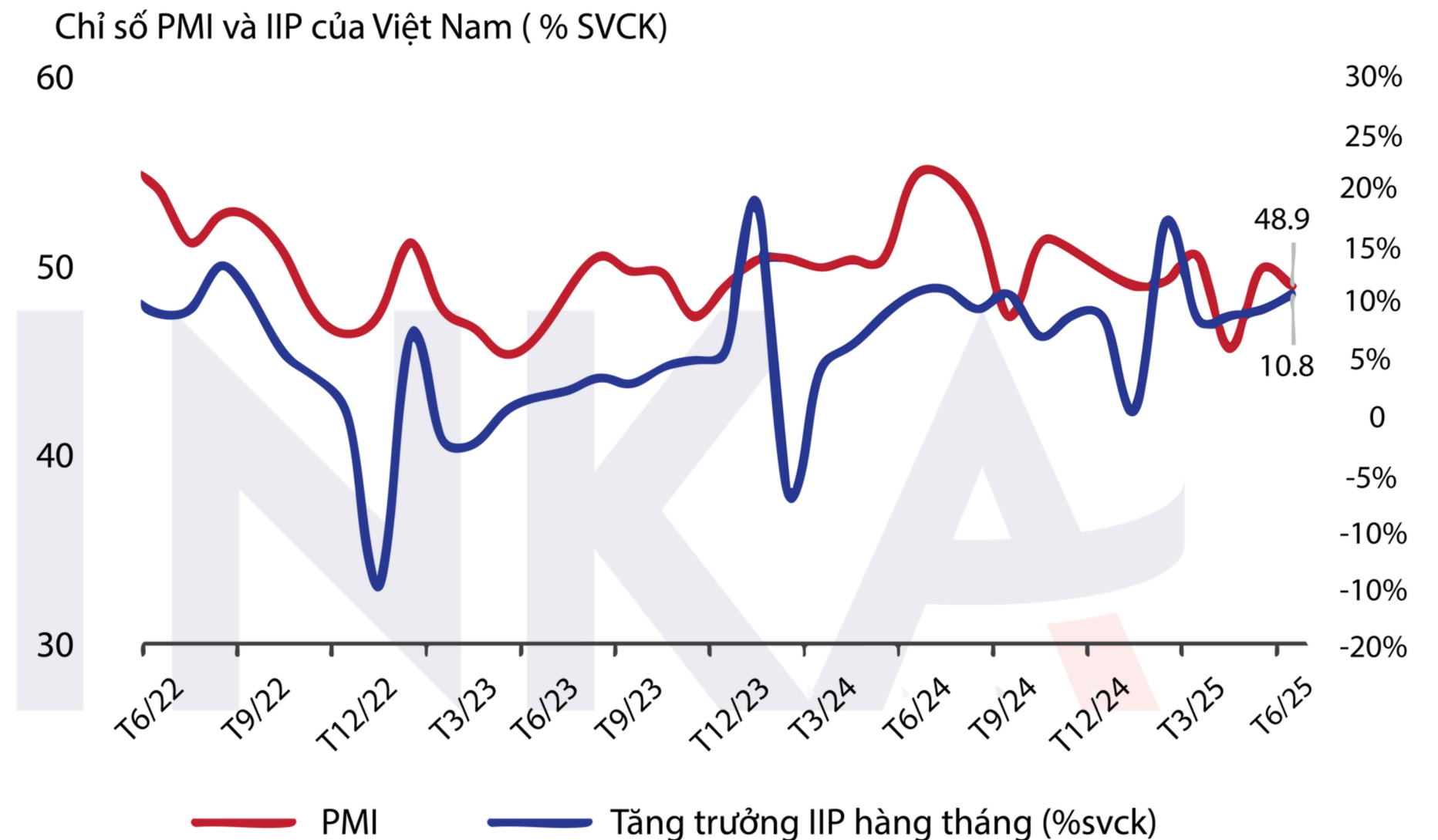
Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: Finka Reasearch

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp đạt mức tăng cao nhất 5 năm với IIP tăng 9.2%, nhờ ngành chế biến chế tạo (+11.1%), đặc biệt các ngành sản xuất xe cơ giới (+34.9%), khoáng phi kim (+23.9%) và kim loại (+18%). Tuy nhiên, chỉ số PMI giảm về 48.9, phản ánh đơn hàng xuất khẩu giảm tháng thứ 8 liên tiếp, cho thấy sức cầu toàn cầu vẫn yếu. Nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động và thu hẹp mua hàng đầu vào. Dù vậy, giải ngân đầu tư công mạnh mẽ và dịch chuyển chuỗi cung ứng từ Trung Quốc đang tạo lực đỡ quan trọng cho công nghiệp Việt Nam. Dự báo, nửa cuối năm sản xuất sẽ hồi phục nhờ nhu cầu từ Mỹ và EU sau giai đoạn điều chỉnh thuế, cùng tác động tích cực từ FDI và nội địa hóa chuỗi cung ứng.



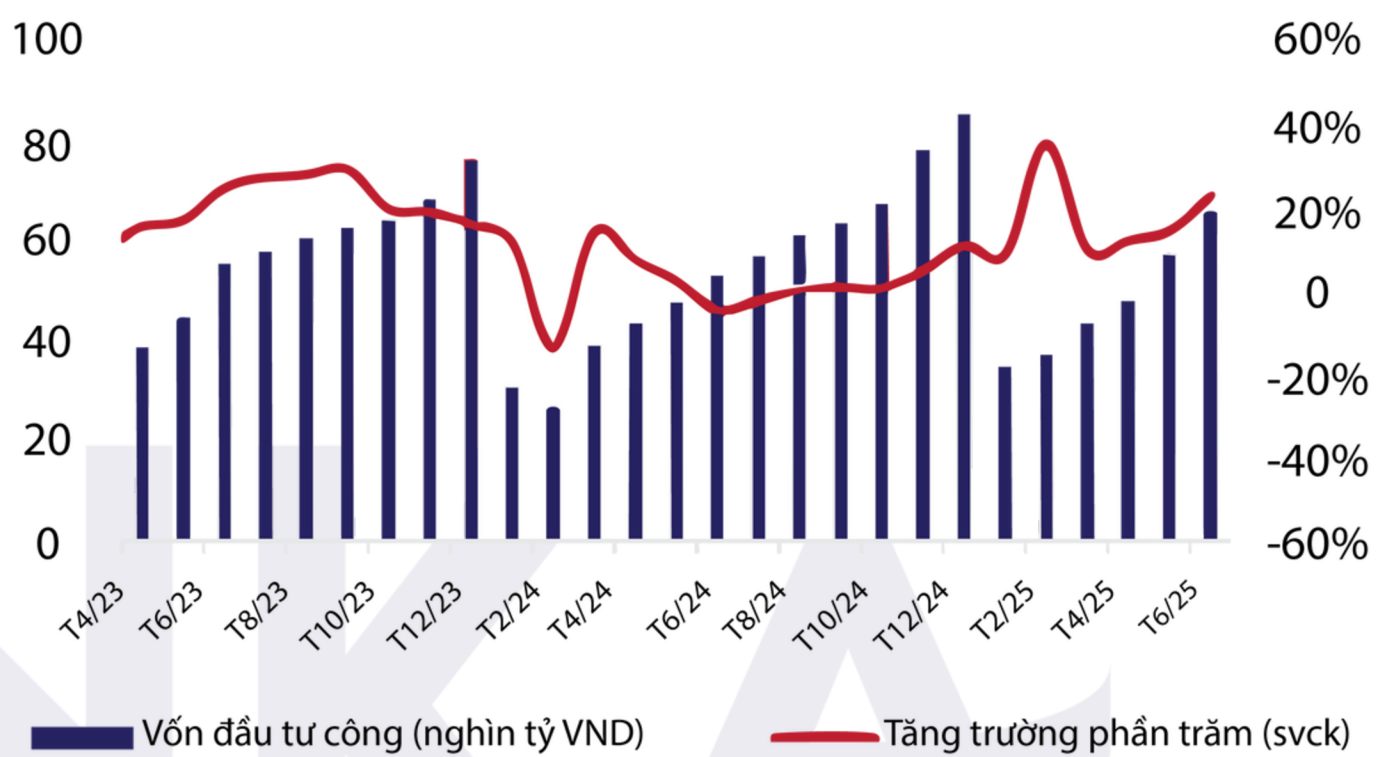
Nguồn: Finka Reasearch

LẠM PHÁT, TIÊU DÙNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

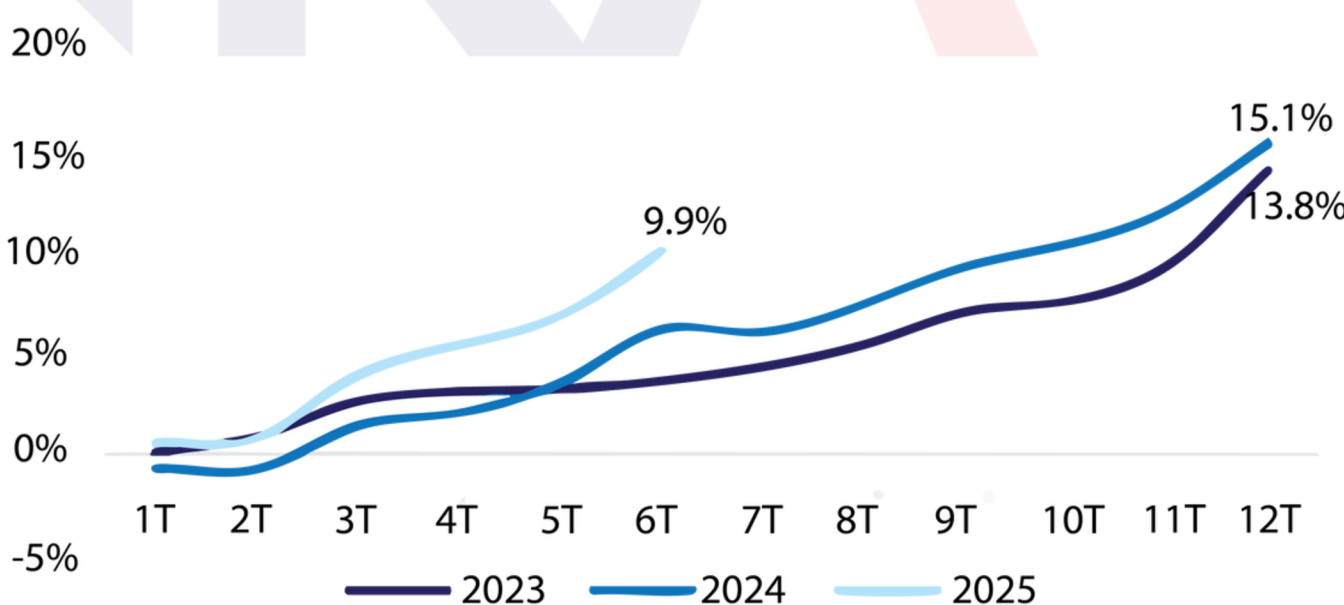
Lạm phát duy trì kiểm soát với CPI tháng 6 tăng 3.57% svck, mức cao nhất từ đầu năm do giá điện (+8.5%), vật liệu xây dựng (+7.2%) và thực phẩm (+4.1%). Tuy nhiên, bình quân 6 tháng CPI chỉ tăng 3.3%, thấp hơn 4.1% của cùng kỳ 2024, nhờ giá xăng dầu giảm mạnh và các biện pháp kiểm soát giá thực phẩm. Lạm phát cơ bản tăng 3.1%, phản ánh áp lực chi phí vẫn có nhưng không quá lớn. Chính sách giảm thuế VAT 2% kéo dài đến 2026 cùng môi trường lãi suất thấp đang hỗ trợ cầu nội địa, trong khi chính sách mở cửa du lịch và miễn visa đã thúc đẩy 10.7 triệu khách quốc tế, tăng 20.7% và đóng góp tích cực vào ngành dịch vụ.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ chính sách tiền tệ nói lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng, song vẫn cân nhắc ổn định tỷ giá trước biến động từ đồng USD mạnh. Với CPI dự báo 3.5% cho cả năm – thấp hơn mục tiêu 4.5–5% – chính sách lãi suất ưu đãi có thể duy trì, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và hộ gia đình vay vốn. Sự kết hợp hài hòa giữa kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng, cùng chính sách tài khóa mở rộng, được kỳ vọng giúp kinh tế Việt Nam duy trì ổn định và tăng trưởng bền vững trong bối cảnh toàn cầu còn nhiều biến động.

Tăng trưởng đầu tư công



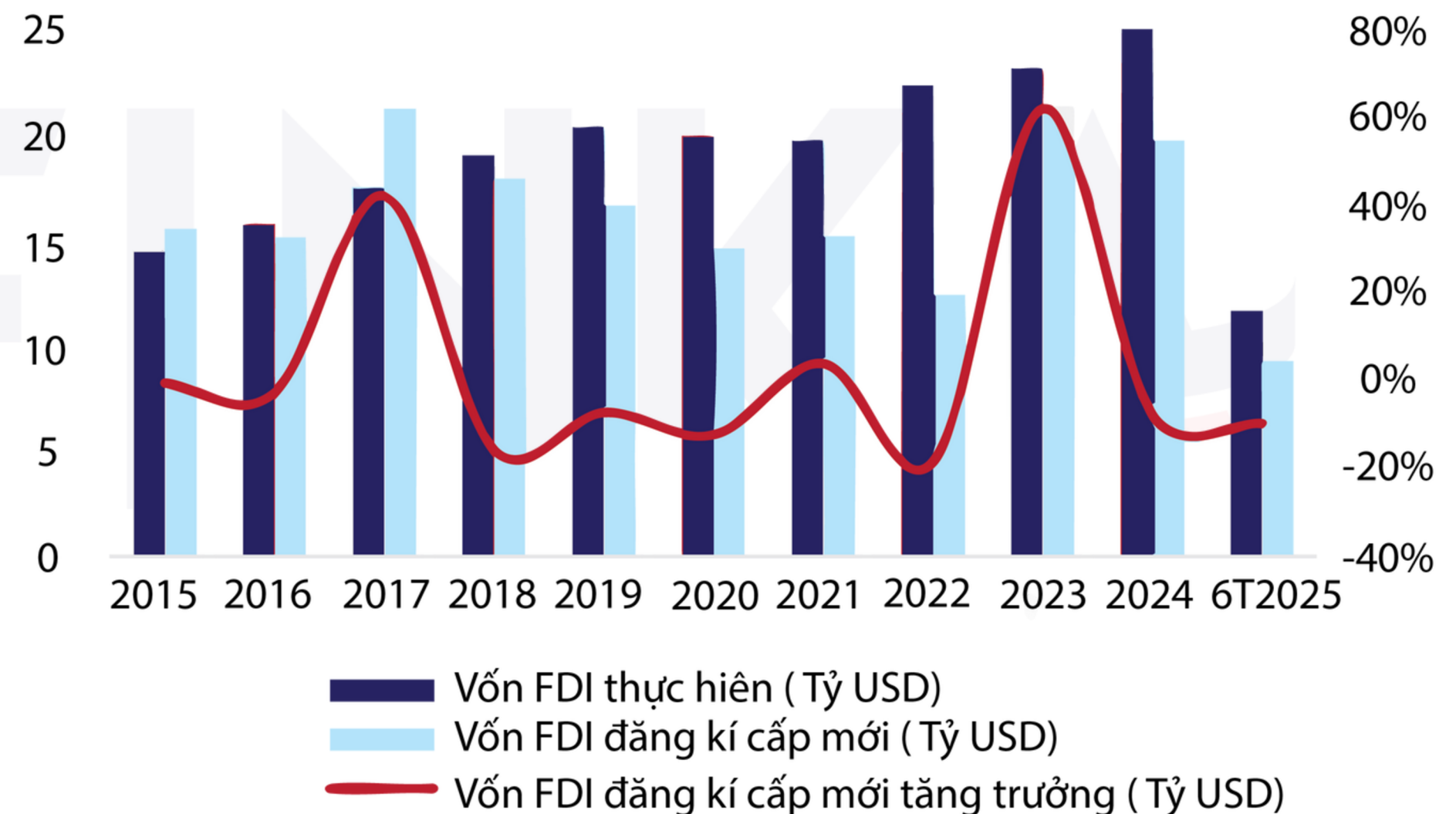
Tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế (%ytd)



SỨC MẠNH ĐỒNG USD VÀ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆT NAM

Đồng USD tiếp tục giữ vị thế thống trị toàn cầu: chiếm 54% hóa đơn thương mại, 50.2% thanh toán SWIFT, 88% giao dịch ngoại hối, 57.8% dự trữ ngoại hối và 70% nợ quốc tế phát hành bằng USD. USD mạnh giúp hàng xuất khẩu châu Á cạnh tranh hơn, nhưng làm tăng chi phí nhập khẩu năng lượng cho EU và Nhật Bản, khiến lạm phát các khu vực này gia tăng. Đối với Việt Nam, tác động của USD mạnh vừa mang lại cơ hội vừa tạo áp lực. Về mặt tích cực, tỷ giá USD/VND cao giúp xuất khẩu Việt Nam rẻ hơn tương đối, thúc đẩy xuất khẩu sang Mỹ và EU. Đồng thời, thỏa thuận thuế quan Mỹ-Việt với mức thuế 20% cho hàng Việt Nam và gần 0% cho hàng nhập từ Mỹ mở ra cơ hội tái cấu trúc thương mại và thu hút FDI từ Mỹ.

Tăng trưởng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam

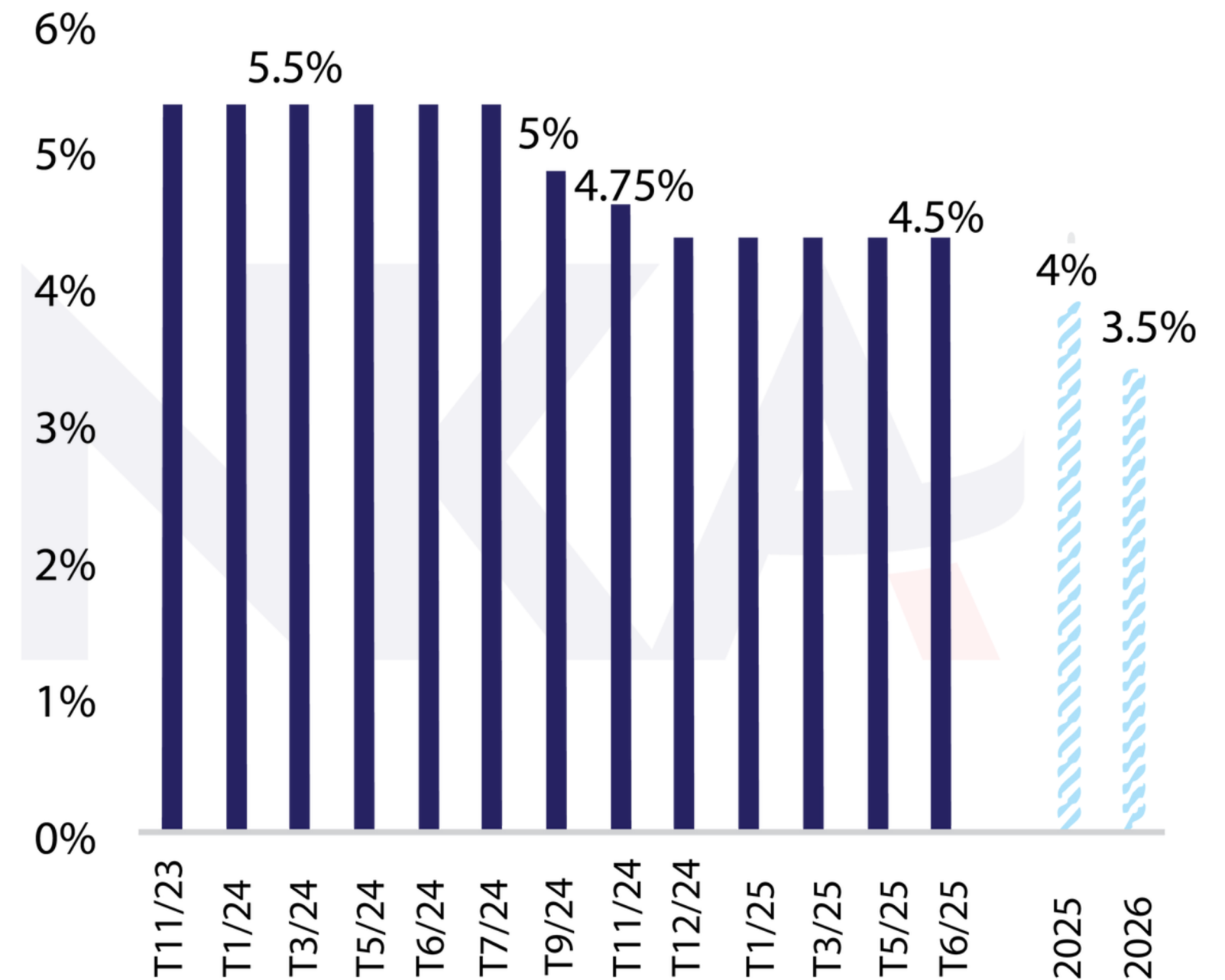


Nguồn: Finka Research

SỨC MẠNH ĐỒNG USD VÀ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆT NAM

Tuy nhiên, USD mạnh cũng làm gia tăng áp lực lên tỷ giá và chi phí nhập khẩu. Khi thặng dư thương mại giảm xuống chỉ còn dự báo 4–8 tỷ USD, áp lực mất giá VND tăng, đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước phải can thiệp thị trường ngoại hối. Việc Fed duy trì lãi suất cao cũng gây rủi ro dòng vốn rút khỏi thị trường trái phiếu Việt Nam. Chi phí vay ngoại tệ của doanh nghiệp tăng, ảnh hưởng khả năng mở rộng sản xuất. Dù vậy, Việt Nam vẫn có cơ hội cân bằng bằng cách tận dụng nhập khẩu rẻ hơn từ Mỹ, gia tăng nội địa hóa chuỗi cung ứng, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu Trung Quốc và mở rộng thị trường xuất khẩu ngoài Mỹ để giảm rủi ro thương mại.

Fed giữ nguyên mức lãi suất 4.5%



TRIỂN VỌNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

- Triển vọng kinh tế Việt Nam trong nửa cuối 2025 được đánh giá tích cực. Động lực chính gồm đẩy mạnh đầu tư công, duy trì lãi suất thấp, thu hút FDI, và tận dụng các hiệp định thương mại. Tuy nhiên, các rủi ro cần theo dõi là sự điều chỉnh thương mại từ thuế quan Mỹ, áp lực USD mạnh kéo theo tỷ giá, suy giảm đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu toàn cầu yếu, và rủi ro giá nguyên vật liệu. Chính sách cần tập trung vào đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và đa dạng hóa thị trường, cũng như điều hành tỷ giá linh hoạt nhằm giữ ổn định vĩ mô.
- Về dài hạn, Việt Nam cần tăng cường phát triển thị trường vốn nội địa để giảm phụ thuộc vốn vay ngoại tệ, mở rộng các ngành công nghiệp phụ trợ để chủ động nguồn nguyên liệu, đồng thời đẩy mạnh cải cách thể chế và môi trường kinh doanh để thu hút thêm FDI. Kết hợp các yếu tố này sẽ giúp Việt Nam không chỉ duy trì tăng trưởng cao trong năm 2025 mà còn xây dựng nền tảng vững chắc cho giai đoạn 5–10 năm tiếp theo, đủ sức ứng phó với biến động từ chu kỳ USD toàn cầu và các thay đổi địa chính trị.